



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



NGHỆ AN – THÁNG 3/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	3
<i>1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động</i>	3
<i>2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	4
<i>3. Mô hình tổ chức bộ máy</i>	5
<i>4. Định hướng phát triển</i>	6
<i>5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	7
II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2019	8
<i>1. Môi trường đầu tư</i>	8
<i>2. Những vấn đề của năm 2020</i>	10
III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019	13
<i>1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	13
<i>2. Tình hình nhân sự</i>	13
<i>3. Tình hình tài chính</i>	16
<i>4. Cơ cấu cổ đông</i>	17
IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019	17
<i>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</i>	17
<i>2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2019</i>	18
<i>3. Báo cáo tài chính</i>	19



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
117 Quang Trung, Tp.Vinh, Nghệ An Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là VSC) là Công ty Cổ phần do Ngân hàng TMCP Bắc Á cùng với các cổ đông khác sáng lập. Công ty ra đời với mục đích cung cấp các sản phẩm dịch vụ về chứng khoán và kinh doanh chứng khoán. Đối tượng phục vụ là các nhà đầu tư cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

Tên giao dịch	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt
Tên viết tắt	VSC
Địa chỉ	Tầng 3 số 117 Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại	0238. 3837606
Fax	0238. 3588271
Email	vsc.viet@gmail.com
Website:	www.vietsc.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024, do Sở kế hoạch Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2006.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 19/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/10/2006.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Vốn điều lệ ban đầu: 9.750.000.000 đồng

Vốn điều lệ điều chỉnh tăng lần 1: 37.500.000.000 đồng

Thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Nay là sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 113/QĐ - TTGDHN ngày 25/12/2006;

Thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là Sở GDCKHCM - theo Quyết định số 23/QĐ - TTGDHCM ngày 23/01/2007;

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (mã thành viên: 023);

Hội viên Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam;

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty được cấp phép hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 117 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đã thành lập xong Chi nhánh Hà Nội theo quyết định số 195/QĐ-UBCK của phó chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ban hành ngày 18/03/2019.

Địa chỉ chi nhánh Hà Nội: P1106, tầng 11 tòa nhà Đào Duy Anh, số 09 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

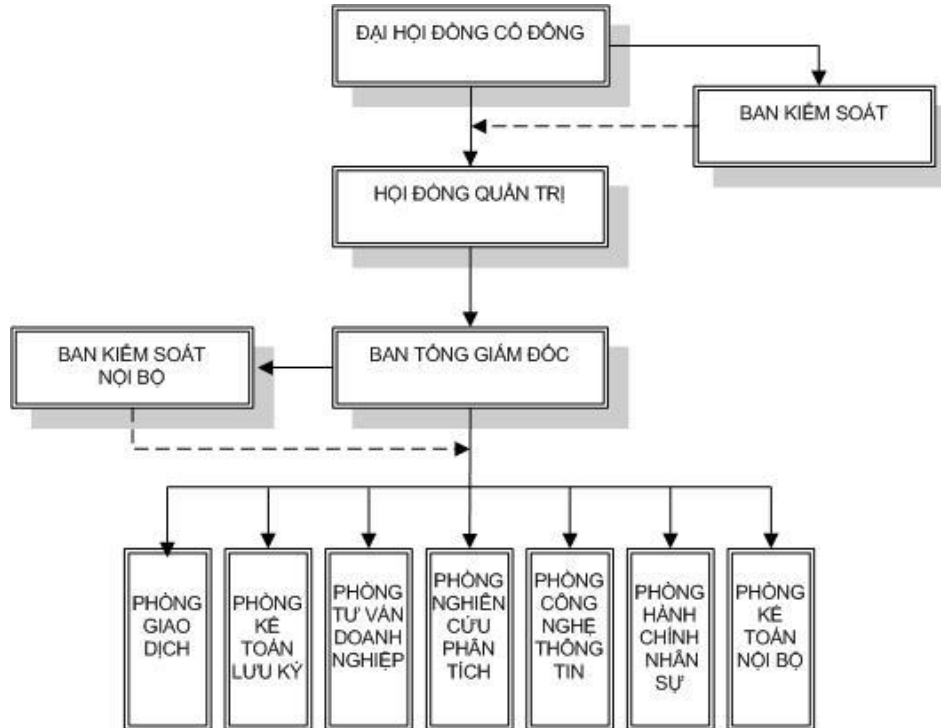


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

3. Mô hình tổ chức bộ máy



Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của VSC, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ VSC quy định, các cổ động sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, ngân sách tài chính và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, đại diện cho Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông, điều lệ công ty và các quy định nội bộ.

Ban kiểm soát



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc

Là bộ phận trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại ban Tổng Giám đốc của VSC có 2 người; Tổng giám đốc điều hành chung các hoạt động kinh doanh của Công ty, Phó tổng giám đốc phụ trách về mảng hành chính và nhân sự.

Ban kiểm soát nội bộ giám sát hoạt động của các phòng ban, mỗi phòng ban đảm nhiệm các công việc theo đúng chuyên môn đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn và hiệu quả nhất.

4. Định hướng phát triển

Với mong muốn phát triển ổn định và bền vững, Công ty luôn đặt uy tín lên hàng đầu, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng minh bạch, hiệu quả và hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, đưa VSC trở thành một thành viên đáng tin cậy của thị trường.

Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai;

Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp, là chìa khóa để thu hút và giữ chân khách hàng;

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân công phân cấp rõ ràng; nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải thiện và đổi mới công tác quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Về nghiệp vụ: VSC định hướng đẩy mạnh nghiệp vụ ngân hàng đầu tư từ năm 2020, xúc tiến làm việc với nhiều doanh nghiệp ở cả 3 miền đất nước, thông qua đó định hình lại, gia tăng nhận diện thương hiệu và uy tín đến với mọi khách hàng doanh nghiệp.

Về công nghệ: Công ty đã đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán, ứng dụng di động, trang thông tin điện tử chuyên nghiệp và đồng bộ để đẩy mạnh hoạt động giao dịch trực tuyến; đã chính thức ra mắt và vận hành ổn định sản phẩm mới vào đầu tháng 7 năm 2019; tiếp nối xu hướng đó trong năm 2020 VSC tiếp tục nâng cấp hệ thống, cải tiến các chức năng, tiện ích của các ứng dụng công nghệ để ngày càng hoàn thiện sản phẩm, đem đến sự trải nghiệm tối ưu nhất cho khách hàng sử dụng sản phẩm.

Đảm bảo hoạt động ổn định, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh

VSC luôn đặt mục tiêu uy tín lên hàng đầu, luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh VSC luôn xác định quản trị rủi ro nội bộ là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ an toàn, uy tín cho khách hàng. VSC cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với các luật lệ, thông lệ, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường, tuân thủ các Quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. VSC sẽ tiếp tục nỗ lực để đảm bảo an toàn tài chính và trở thành một địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư và khách hàng.

VSC đặt ra các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động và có biện pháp kiểm soát hợp lý để ngăn chặn và kiểm soát tốt nhất.

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro do các nguyên nhân khách quan khác, cụ thể một số trường hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

như: như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh.. Công ty đã xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro và luôn kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro về thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng, phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho mục đích quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho hoạt động thanh toán bù trừ của Công ty và để giảm thiểu những thay đổi các luồng tiền.

Hoạt động trong thị trường chứng khoán với hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản mới trong lĩnh vực chứng khoán và những lĩnh vực có liên quan. Bên cạnh đó Công ty không ngừng nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên..Nhờ đó Công ty hạn chế được các vấn đề rủi ro liên quan đến Pháp luật.

II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2020

1. Môi trường đầu tư

Năm 2019, thị trường tài chính quốc tế nói chung và TTCK thế giới nói riêng chịu nhiều tác động trái chiều vừa mang tính tiêu cực, vừa mang tính tích cực. Điển hình như: Sự giằng co trong cuộc chiến thương mại Mỹ- Trung; nguy cơ Brexit không đạt được thỏa thuận; những bất ổn về địa chính trị tại một số khu vực và đặc biệt là sự đảo chiều trong chính sách tiền tệ của các nước lớn trên thế giới... Nếu như, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và nguy cơ Brexit không đạt được thỏa thuận cũng như những bất ổn về địa chính trị của một số khu vực trên thế giới năm 2019 được xem là nhân tố tiêu cực tác động đến thị trường tài



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

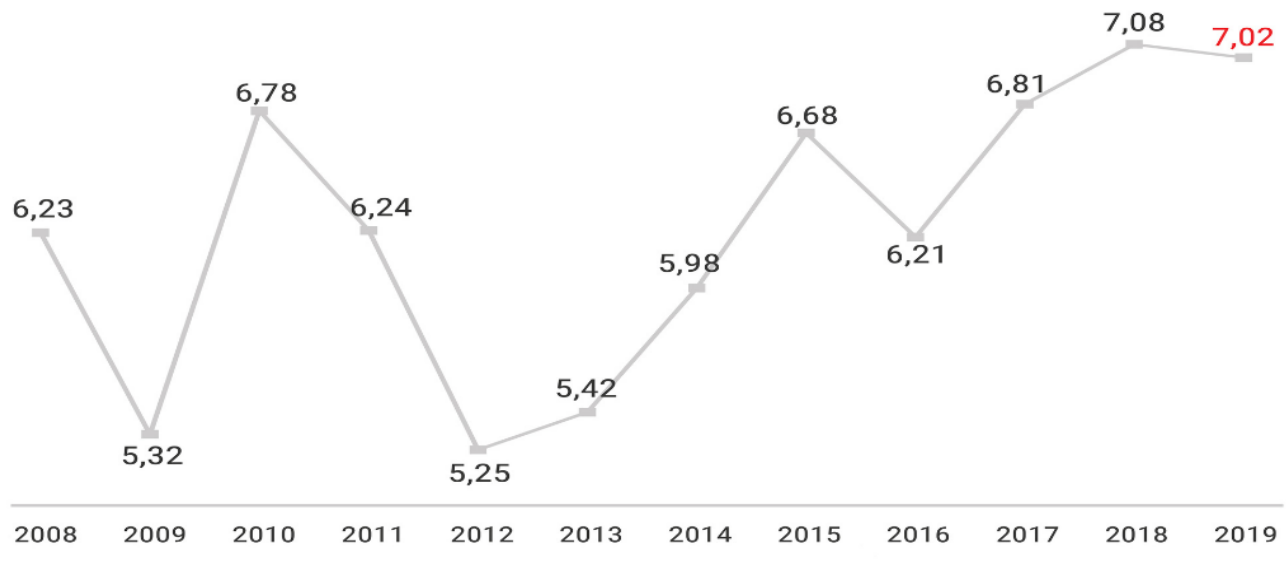
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

chính thể giới thì việc đảo chiều trong chính sách tiền tệ của các nước lớn được đánh giá là nhân tố nâng đỡ TTCK.

TTCK Việt Nam năm 2019 được đánh giá là có nhiều động lực tích cực hỗ trợ phát triển nhờ các yếu tố như: Các cân đối vĩ mô được đảm bảo; chính sách tài khóa ổn định và chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng nới lỏng. Năm 2019, tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng GDP quý III tăng 7,31% đưa tốc độ tăng trưởng GDP 3 quý đầu năm 2019 đạt 6,98%; Lạm phát ở mức thấp nhất trong 3 năm gần đây với Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân 11 tháng đầu năm 2019 chỉ tăng 2,75%; Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư với mức xuất siêu 11 tháng đầu năm đạt 9,1 tỷ USD; Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 31,8 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2018, tỷ giá tương đối ổn định.

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM TRONG 11 NĂM GẦN ĐÂY

(Từ năm 2008 đến năm 2019, đơn vị: %)



Năm 2019, tổng mức huy động vốn trên TTCK cơ sở ước đạt 302,6 nghìn tỷ đồng, tăng 37,3% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt là, trong năm 2019, các thương vụ bán vốn lớn thành công như Techcombank (0,9 tỷ USD), Vinhomes (1,35 tỷ USD), VinGroup (1 tỷ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

USD) cũng đã thu hút sự tham gia của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, giúp duy trì dòng vốn ngoại đầu tư vào thị trường Việt Nam. Những nhân tố trên giúp TTCK năm 2019 vẫn là điểm đến tích cực của nhà đầu tư nước ngoài. Tính đến ngày 6/12/2019, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 7.983 tỷ đồng cổ phiếu và mua ròng 13.034 tỷ đồng trái phiếu.

Nhìn chung, bối cảnh quốc tế và trong nước trên đây đã tác động và tạo ra những diễn biến phức tạp của TTCK Việt Nam năm 2019. Những diễn biến này cũng cho thấy thị trường tài chính nói chung và TTCK Việt Nam đã có sự liên thông và gắn kết chặt chẽ với thị trường tài chính thế giới, chịu tác động sâu sắc từ những biến động trên thị trường tài chính thế giới.

2. Những vấn đề của năm 2020

Năm 2020, các mục tiêu Chính phủ đặt ra cho TTCK bao gồm: Quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP, quy mô thị trường trái phiếu đạt mức 47% GDP. Số lượng công ty niêm yết đến năm 2020 tăng 20% so với năm 2017. Nhìn dưới nhiều góc độ, những mục tiêu đặt ra cho thị trường này nhiều khả năng sẽ đạt được do dự báo sẽ có một số tác động tích cực đến thị trường và được xem là các nhân tố tạo động lực cho thị trường phát triển trong năm 2020

Thứ nhất, mặc dù có những yếu tố khó lường song kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ ít có khả năng xảy ra khủng hoảng và được kỳ vọng sẽ vượt qua xu hướng tăng trưởng của những năm trước. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế, kinh tế thế giới được dự báo đạt mức tăng trưởng 3,4% năm 2020 cao hơn mức 3% được dự báo cho năm 2019. Đặc biệt, việc Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận thương mại "Giai đoạn 1" vào ngày 13/12/2019 sau hơn 2 năm rưỡi đàm phán được xem là nhân tố tích cực tác động đến TTCK toàn cầu trong thời điểm cuối năm 2019 và đầu năm 2020.

Thứ hai, môi trường kinh tế trong nước đã và đang tạo thuận lợi cho TTCK phát triển. Năm 2020, trên đà thành công của năm 2019, Chính phủ dự kiến mục tiêu tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,8%, lạm phát dưới 4%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng khoảng 7%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 33-34% GDP. Có thể nói, việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao, các cân đối vĩ mô được đảm bảo, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế ngày



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

càng tăng (năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam được Diễn đàn Kinh tế Thế giới đánh giá đã có cải thiện vượt bậc trên cả 3 trụ cột thể chế, cơ sở hạ tầng và kỹ năng, xếp thứ 67/141 quốc gia, vùng lãnh thổ, tăng 10 bậc so với năm 2018) đã, đang và sẽ tiếp tục là động lực chính nâng đỡ thị chứng khoán trong năm 2020. Bên cạnh đó, lần đầu tiên sau 14 năm, chính sách tiền tệ của Việt Nam được điều chỉnh theo hướng nới lỏng thông qua cắt giảm các loại lãi suất chủ chốt vào những tháng cuối năm 2019 cũng đã và đang khiến các dòng vốn tín dụng dịch chuyển sang các kênh đầu tư khác trong đó có chứng khoán. Đây cũng được xem là một trong những nhân tố tích cực đối với TTCK trong giai đoạn tới.

Thứ ba, để thực hiện mục tiêu Chính phủ đặt ra cho TTCK cũng như hỗ trợ thị trường, năm 2020, ngành Chứng khoán đã đặt ra nhiệm vụ và giải pháp phát triển thị trường, trong đó tập trung triển khai các nội dung: (i) Xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy quy định Luật Chứng khoán năm 2019 nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực quản lý, giám sát đảm bảo thị trường vận hành hiệu quả, an toàn, minh bạch; (ii) Tăng cường hoàng hóa và cải thiện chất lượng nguồn cung thông qua thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đa dạng hóa các sản phẩm trái phiếu đáp ứng nhu cầu tư theo lộ trình phù hợp, thực hiện cơ cấu lại danh mục nợ trái phiếu chính phủ thông qua nghiệp vụ mua lại, hoán đổi; khuyến khích các doanh nghiệp phát hành và đưa trái phiếu lên niêm yết; triển khai phát hành trái phiếu xanh; nghiên cứu phát triển các sản phẩm chứng khoán phái sinh như hợp đồng tương lai dựa trên các bộ chỉ số mới, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai trên cổ phiếu riêng lẻ; (iii) Phát triển nâng cao năng lực cho hệ thống các tổ chức trung gian thị trường thông qua đẩy mạnh tái cơ cấu các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ; tăng cường giám sát rủi ro, đánh giá các công ty chứng khoán, quản lý quỹ trên cơ sở hoàn thiện hệ thống phân loại rủi ro; giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định pháp lý của các tổ chức này; (iv) Tái cấu trúc các tổ chức hạ tầng thị trường bao gồm các Sở Giao dịch, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cho phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường; (v) Hoàn thiện và đưa hệ thống công nghệ thông tin mới vào hoạt động tạo nền tảng công nghệ để thị trường vận hành an toàn, thông suốt, bảo mật và là cơ sở để phát triển các sản

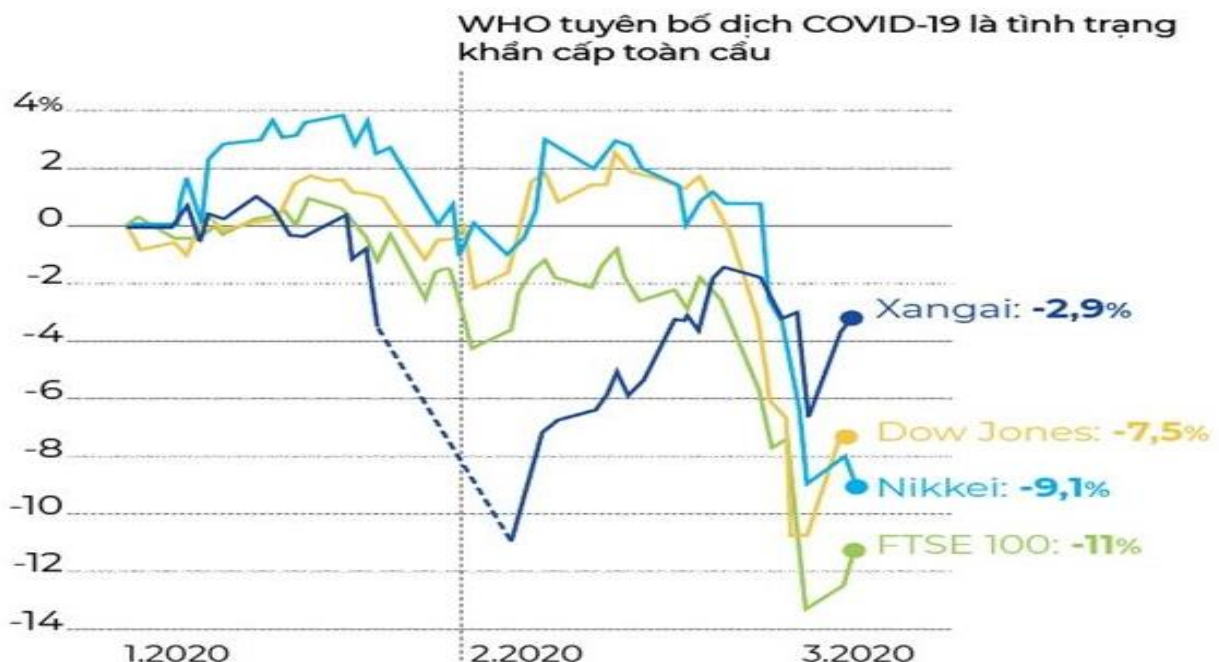


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

phẩm, dịch vụ mới theo chuẩn mực quốc tế...; (vi) Cơ cấu lại cơ sở nhà đầu tư trên thị trường, ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn về nhà đầu tư chuyên nghiệp, tiến tới cấu trúc lại các sản phẩm và thị trường theo nhóm nhà đầu tư, khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường thông qua hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại doanh nghiệp theo hướng mở rộng sở hữu nước ngoài tại lĩnh vực nhà nước không cần nắm giữ theo quy định của pháp luật và phù hợp với cam kết quốc tế; (vii) Tích cực triển khai các giải pháp nâng hạng TTCK Việt Nam từ hạng cận biên lên hạng mới nổi nhằm thu hút các dòng vốn nước ngoài có tính ổn định vào thị trường.

Thị trường tài chính năm 2020 được dự báo sẽ có những thay đổi tích cực với dòng tiền đến từ khối ngoại và việc cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước. Tuy vậy, đến thời điểm này của năm 2020, một rủi ro phi thị trường đã xảy ra ngay tại Quý 1 là dịch bệnh Covid-19 xuất phát từ Trung Quốc và đã lây lan cho toàn thế giới. Sau chỉ chưa đầy 2 tháng bùng phát dịch COVID-19 đã khiến nhiều lĩnh vực kinh tế trên toàn cầu đình trệ và thiệt hại nặng nề. Chỉ số chứng khoán nhiều sàn giao dịch trên toàn cầu liên tục mất điểm, giá vàng tăng đột biến. Những biến động này đã có những tác động nhất định đến thị trường tài chính Việt Nam.





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Tình trạng dịch bệnh hiện nay đang khiến nhiều nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Trung Quốc đi tìm thị trường thay thế và dịch chuyển việc sản xuất đến các nước ở khu vực lân cận; trong đó có Việt Nam. Việt Nam đang ở trong vị thế tốt để có thể nhận lấy những cơ hội mới. Việc kiểm soát dịch bệnh tốt trong thời gian qua đã tạo ra niềm tin cho nhà đầu tư nước ngoài nếu họ dịch chuyển đến Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2019 Việt Nam đã thu hút một lượng vốn đầu tư nước ngoài khả quan. Cùng với đó là khả năng hấp thụ tốt của nền kinh tế Việt Nam cũng mang lại những tín hiệu khả quan cho việc hút vốn trong năm 2020.

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019

Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của VSC trong 3 năm gần đây:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng 2019/2018 (%)
Tổng tài sản	38,291,490,410	39,212,544,791	36,484,082,282	(7.0%)
Vốn chủ sở hữu	37,637,493,323	38,877,063,309	36,101,881,568	(7.1%)
Vốn điều lệ	37,500,000,000	37,500,000,000	37,500,000,000	0 %
Doanh thu	1,681,554,886	6,027,663,880	5,127,473,255	(14.9%)
LN trước thuế	(822,687,041)	1,239,569,986	(2,775,181,741)	(323.9%)

Trong năm 2019, Công ty có sự đầu tư mạnh mẽ về Công nghệ thông tin, do đó cơ cấu về chi phí thay đổi trong khi doanh thu có phần sụt giảm. Do đó kết quả kinh doanh năm 2019 có sự sụt giảm so với năm 2018.

2. Tình hình nhân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VSC có 3 thành viên trong Hội đồng quản trị bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

1. Bà Thái Thị Nga - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đặng Thái Nguyên - Phó chủ tịch HĐQT
3. Bà Trương Thị Kim Thu - Ủy viên HĐQT

Bà Thái Thị Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bà đã tham gia và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Phó Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á, Phó giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại và Dịch vụ Vạn Niên. Hiện nay bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt.

Ông Đặng Thái Nguyên đã nhiều năm tham gia vào thị trường tài chính, ông đã từng đảm nhiệm các công việc: Trưởng phòng Đầu tư và Chứng khoán Ngân hàng TMCP Bắc Á; Giám đốc ngân hàng TMCP Bắc Á chi nhánh Thanh Hóa, Từ cuối năm 2006 Ông là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt. Giữa năm 2019, ông Đặng Thái Nguyên được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đặng Thái Nguyên - Tổng Giám đốc

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Thái Doãn Sơn - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Duy Châu - Thành viên Ban kiểm soát

Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty hàng tháng và khi có những phát sinh đột xuất.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty dựa vào điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuân thủ các quy định của nhà nước, các quy trình, quy chế của Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng tháng, hàng quý, phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban kiểm soát; đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;

Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân viên: Tổng toàn bộ số cán bộ nhân viên trong công ty là 12 lao động. Trong đó, có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các cán bộ nhân viên trong công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của luật lao động. Chế độ về các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm được hưởng theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm, công ty có chế độ đi du lịch và nghỉ mát định kỳ, nhằm mang đến cho người lao động trong toàn đơn vị tinh thần thoải mái và sức khỏe tốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

3. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng /giảm
Tổng giá trị tài sản	39,212,544,791	36,484,082,282	(7.0%)
Doanh thu thuần	6,027,663,880	5,127,473,255	(14.9%)
Lợi nhuận từ HĐKD	1,651,951,612	(2,617,349,619)	(258.4%)
Lợi nhuận khác	(412,381,626)	(157,832,122)	(61.7%)
Lợi nhuận trước thuế	1,239,569,986	(2,775,181,741)	(323.9%)
Lợi nhuận sau thuế	1,239,569,986	(2,775,181,741)	(323.9%)

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i>	91.92	71.64
	<i>Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ NH</i>	91.92	71.64
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i>	0.01	0.01
	<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	0.01	0.01
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</i>	0.15	0.14
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	0.21	(0.54)
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	0.03	(0.08)
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH</i>	0.03	(0.08)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần</i>	0.27	(0.51)
--	---	------	--------

4. Cơ cấu cổ đông

Cổ phần: 3.750.000 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần, mệnh giá 10.000đ/cổ phần). Chi tiết cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ
1	Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67%
2	Thái Hương	4.000.000.000	10,67%
3	Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67%
4	Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67%
5	Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67%
6	Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67%
7	Nguyễn Hà Nam	6.500.000.000	17,33%
8	Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53%
9	Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46%
10	Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66%
	Cộng	37.500.000.000	100%

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Năm 2019 là năm thay đổi lớn về hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm lõi của Công ty thay đổi hoàn toàn. Nắm bắt được sự thay đổi lớn về công nghệ, Ban Tổng giám đốc đã định hướng và thực hiện nâng cấp hệ thống công nghệ đồng bộ từ giao dịch chứng khoán, lưu ký chứng khoán cho đến kế toán quản trị. Công ty vẫn duy trì ổn định và phát triển bền vững các hoạt động chính như môi giới, tư vấn và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Trong năm 2019, công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đảm bảo



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

không có sự thay đổi về mặt tổ chức nhân sự, duy trì khách hàng thường xuyên và phát triển thêm khách hàng mới.

Bước sang năm 2020, nghiệp vụ môi giới chứng khoán vẫn sẽ là một trong những nghiệp vụ chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Việt, cùng với đó là nghiệp vụ tư vấn khi trong năm 2019 đã thành lập chi nhánh Hà Nội. Bên cạnh đó với mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ trong năm thì Công ty sẽ bổ sung các nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, đầu tư tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phạm vi vốn điều lệ cho phép.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2019

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 đóng lại với một triển vọng tuy không quá lạc quan về tình hình vĩ mô của thế giới nhưng môi trường kinh doanh ở Việt nam ngày càng minh bạch, kinh tế vĩ mô ổn định, là lực hút rất lớn dòng tiền FDI, FII từ nước ngoài chảy vào. Tuy nhiên với tình hình dịch bệnh hiện tại năm 2020 nhiều khả năng Việt Nam sẽ không đạt tốc độ tăng trưởng theo mục tiêu đề ra.

Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua thì vẫn còn nhiều điểm chưa thực sự tốt, đặc biệt là về thị phần kinh doanh của Công ty, định hướng thị trường ngành vẫn gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy với sự nâng cấp công nghệ, sự đầu tư kịp thời này sẽ mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Công ty. Định hướng dài hạn Hội đồng quản trị đặt ra kế hoạch phát triển như sau:

- Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Phát triển đa dạng hóa sản phẩm công nghệ, dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.
- Mở rộng thị phần đối với hoạt động môi giới
- Mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh mới, tiến tới chuyên môn hóa và mô hình Ngân hàng đầu tư kiểu mẫu
- Đầu tư công nghệ thông tin đảm bảo sự ổn định và an toàn cho việc vận hành hệ thống, tạo ra nhiều tiện ích cho nhà đầu tư.
- Tạo được uy tín, chất lượng trong phục vụ khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

- Đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ quy trình thực hiện giao dịch.
- Phát triển ổn định và bền vững dựa trên các nguyên tắc kinh doanh đã đề ra.

3. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-29

KIỂM
H
01020
H.M.P

30010
IGTY
GKH
I
HT.N

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga

Ông Đặng Thái Nguyên

Bà Trương Thị Kim Thư

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Số: 01.240320/BCKT-UHY MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/03/2020, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3337-2020-112-1

(Theo Ủy quyền số 01/2020/UQ-UHY ngày 01/01/2020 của Tổng Giám đốc)

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

- Chi nhánh Miền Trung

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Bùi Thị Thu Thủy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3734-2019-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.378.999.341	30.837.375.936
110	I. Tài sản tài chính		27.021.897.102	30.366.725.980
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.347.635.116	12.073.598.694
111.1	1.1 Tiền		4.197.635.116	5.073.598.694
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		150.000.000	7.000.000.000
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	V.2	21.850.000.000	16.000.000.000
114	3. Các khoản cho vay	V.3	-	1.354.000.000
117	4. Các khoản phải thu		300.191.600	406.131.507
117.2	4.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		300.191.600	406.131.507
117.4	4.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		300.191.600	406.131.507
118	5. Trả trước cho người bán		-	119.000.000
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		253.068.592	108.818.202
122	7. Các khoản phải thu khác		271.001.794	305.177.577
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		357.102.239	470.649.956
131	1. Tạm ứng		127.394.420	178.420
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5	159.706.419	430.471.536
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		70.001.400	40.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.105.082.941	8.375.168.855
220	II. Tài sản cố định		2.479.287.087	2.031.115.798
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	1.831.303.680	1.973.720.540
222	- Nguyên giá		4.627.634.067	4.377.043.067
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.796.330.387)	(2.403.322.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	647.983.407	57.395.258
228	- Nguyên giá		1.969.867.750	1.260.867.750
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.321.884.343)	(1.203.472.492)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	250.000.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		6.625.795.854	6.094.053.057
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		81.780.000	76.780.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	V.5	516.411.787	270.992.184
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	V.8	6.027.604.067	5.746.280.873
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		36.484.082.282	39.212.544.791

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

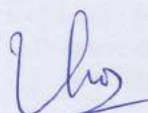
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		382.200.714	335.481.482
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		382.200.714	335.481.482
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		43.921.053	43.721.053
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		121.800.000	25.000.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	38.909.602	114.412.936
323	4. Phải trả người lao động		1.200.000	-
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	167.147.745	143.125.179
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		168.114	168.114
331	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.054.200	9.054.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		36.101.881.568	38.877.063.309
410	I. Vốn chủ sở hữu		36.101.881.568	38.877.063.309
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		37.866.101.544	37.866.101.544
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		37.500.000.000	37.500.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		37.500.000.000	37.500.000.000
411.4	1.2 Vốn khác của chủ sở hữu		366.101.544	366.101.544
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		366.101.544	366.101.544
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		366.101.544	366.101.544
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	V.12	(2.496.423.064)	278.758.677
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(2.496.423.064)	278.758.677
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		36.484.082.282	39.212.544.791


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
			Đơn vị: Số lượng chứng khoán	
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	164.790.635	115.842.069
021.1	a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	131.757.915	110.082.671
021.2	b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	6.320	6.298
021.3	c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	33.020.000	3.550.000
021.5	d.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.400	2.203.100
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	450.156	452.001
022.1	a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	450.156	452.001
023	3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	267	-
			Đơn vị: Đồng Việt Nam	
026	4.	Tiền gửi của khách hàng	3.720.330.033	46.827.775.570
027	4.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	V.9 3.687.463.302	46.701.361.815
030	4.2	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	32.866.731	126.413.755
031	5.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.687.463.302	46.701.361.815
031.1	5.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.687.463.302	46.701.361.815
035	6.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	32.866.731	126.413.755


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



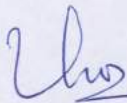

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc


Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B02-CTCK
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		1.301.880.701	-
06	1.2 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.724.270.531	5.314.492.047
08	1.3 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		45.454.545	499.999.999
09	1.4 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.030.457.478	180.797.734
11	1.5 Thu nhập hoạt động khác		25.410.000	32.374.100
20	Cộng doanh thu hoạt động		5.127.473.255	6.027.663.880
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.475.563.850	3.219.320.765
29	2.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	162.000.000
30	2.3 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		515.372.658	374.696.615
31	2.4 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		76.678.334	-
32	2.5 Chi phí các dịch vụ khác		23.262.324	-
40	Cộng chi phí hoạt động		5.090.877.166	3.756.017.380
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		61.664.670	1.874.738.009
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		61.664.670	1.874.738.009
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1 Chi phí lãi vay		-	183.320.548
60	Cộng chi phí tài chính		-	183.320.548
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	VI.1	2.715.610.378	2.311.112.349
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(2.617.349.619)	1.651.951.612
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
72	7.1 Chi phí khác		157.832.122	412.381.626
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(157.832.122)	(412.381.626)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(2.775.181.741)	1.239.569.986
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(2.775.181.741)	1.239.569.986
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
100.1	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.2	-	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(2.775.181.741)	1.239.569.986
500	XI. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		(2.775.181.741)	1.239.569.986
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.3	(740)	331
502	11.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)		(740)	331


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng


Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2018
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.775.181.741)	1.239.569.986
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	511.419.711	389.083.307
03	- Khấu hao tài sản cố định	511.419.711	205.762.759
06	- Chi phí lãi vay	-	183.320.548
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(4.502.610.548)	(17.859.590.773)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(5.850.000.000)	(16.000.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay	1.354.000.000	(1.290.000.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	105.939.907	436.815.716
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(47.450.390)	111.944.102
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	34.175.783	237.939.352
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác	(413.539.194)	(15.990.070)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	24.022.566	42.884.213
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước	25.345.514	(679.463.720)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(30.000.000)	(40.000.000)
44	- Lãi vay đã trả	-	(183.320.548)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	369.000.000	(255.688.713)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	(75.504.734)	36.032.478
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động	1.200.000	(93.723.583)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	200.000	(167.020.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.766.372.578)	(16.230.937.480)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(959.591.000)	(1.639.550.800)
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(959.591.000)	(1.639.550.800)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2019		Năm 2018	
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
73	3. Tiền vay gốc	-		7.000.000.000	
73.2	3.1 Tiền vay khác	-		7.000.000.000	
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-		(7.000.000.000)	
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	-		(7.000.000.000)	
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	-		-	
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ	(7.725.963.578)		(17.870.488.280)	
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	12.073.598.694		29.944.086.974	
101.1	- Tiền	5.073.598.694		11.444.086.974	
101.2	- Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000		18.500.000.000	
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4.347.635.116		12.073.598.694	
103.1	- Tiền	4.197.635.116		5.073.598.694	
103.2	- Các khoản tương đương tiền	150.000.000		7.000.000.000	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2018
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	3.945.205.819.948	14.661.558.075.269
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(3.986.014.594.148)	(14.612.881.054.669)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	1.589.834.691.954	2.941.622.110.058
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(1.592.039.816.267)	(2.952.911.270.843)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	1.090.096.210.134	1.460.388.932.022
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(1.090.189.757.158)	(1.460.290.108.372)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	(43.107.445.537)	37.486.683.465
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	46.827.775.570	9.341.092.105
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	46.827.775.570	9.341.092.105
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	46.701.361.815	9.313.502.000
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	126.413.755	27.590.105
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	3.720.330.033	46.827.775.570
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	3.720.330.033	46.827.775.570
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	3.687.463.302	46.701.361.815
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	32.866.731	126.413.755

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ		Mẫu B04 - CTCK Đơn vị tính: VND		
	01/01/2018		01/01/2019		31/12/2018			31/12/2019	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.866.101.544	-	37.866.101.544	-	-	-	37.866.101.544	-	37.866.101.544
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	37.500.000.000	-	37.500.000.000	-	-	-	37.500.000.000	-	37.500.000.000
1.2 Vốn khác của chủ sở hữu	366.101.544	-	366.101.544	-	-	-	366.101.544	-	366.101.544
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	366.101.544	-	366.101.544	-	-	-	366.101.544	-	366.101.544
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	366.101.544	-	366.101.544	-	-	-	366.101.544	-	366.101.544
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(960.811.309)	-	278.758.677	-	1.239.569.986	-	278.758.677	-	278.758.677
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(960.811.309)	-	278.758.677	-	1.239.569.986	-	278.758.677	-	278.758.677
TỔNG CỘNG	37.637.493.323	-	38.877.063.309	-	1.239.569.986	-	38.877.063.309	-	36.101.881.568



Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ 02 ngày 09/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/3/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 37.500.000.000 đồng, được chia thành 3.750.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần).

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu cụ thể như sau:

	31/12/2019	Tỷ lệ (%)	01/01/2019	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của cá nhân	37.500.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00
- Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Hương	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Nguyễn Hà Nam	6.500.000.000	17,33	6.500.000.000	17,33
- Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53	3.200.000.000	8,53
- Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46	2.800.000.000	7,46
- Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66	1.000.000.000	2,66
Cộng	37.500.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đơn vị trực thuộc của Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt – Chi nhánh Hà Nội thành lập và hoạt động theo Quyết định số 195/QĐ-UBCK ngày 18/03/2019 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Địa điểm chi nhánh: P1106 Tầng 11, tòa nhà Đào Duy Anh, số 09 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 10 người (tại ngày 31/12/2018 là 10 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

3. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua tài sản công (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như chi phí môi giới, chi phí giao dịch và phí ngân hàng).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay).

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	04-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

7. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	04-12

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Doanh thu

Nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn (doanh thu từ giao dịch về cung cấp dịch vụ) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng,... Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

16. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	29.106.636	26.226.653
Tiền gửi ngân hàng	3.269.642.097	5.025.418.841
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	898.886.383	48.179.853
Các khoản tương đương tiền	150.000.000	7.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (*)</i>	<i>150.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
Cộng	<u>4.347.635.116</u>	<u>12.073.598.694</u>

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 51270/600/19/HĐTG/BACABANK ngày 06/12/2019 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Kim Liên, số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/năm.

2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu (*)	21.850.000.000	16.000.000.000
Cộng	<u>21.850.000.000</u>	<u>16.000.000.000</u>

(*) Thông tin chi tiết các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 34949/2506021 ngày 10/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 34949/2506021 ngày 10/01/2019 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 10.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38036/2506032 ngày 03/07/2018 và Phụ lục hợp đồng số 38036/2506032 ngày 03/07/2019 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 6.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,1%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 44577/02506007 ngày 11/07/2019 và Phụ lục hợp đồng số 44577/02506007 ngày 11/12/2019 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 5.000.000.000 đồng, kỳ hạn 5 tháng, lãi suất 5%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 49265/600/19/HĐTG/BACABANK ngày 04/09/2019 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Kim Liên, số tiền 850.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,05%/năm;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Các khoản cho vay

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Ứng trước tiền bán của khách hàng	-	1.354.000.000
Cộng	-	1.354.000.000

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>
Của Nhà đầu tư		
Cổ phiếu	65.250.980	1.310.416.276.800
Trái phiếu	29.000.000	3.187.325.507.201
Cộng	94.250.980	4.497.741.784.001

5. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn	159.706.419	430.471.536
Cước đặt chỗ Switch	100.922.462	-
Cước dịch vụ MetroWan năm 2019	-	292.167.216
Cước dịch vụ Máy chủ ảo	-	72.040.320
Chi phí trả trước khác	58.783.957	66.264.000
b) Dài hạn	516.411.787	270.992.184
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	516.411.787	270.992.184

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.317.953.067	1.059.090.000	4.377.043.067
Số tăng trong năm	250.591.000	-	250.591.000
- Mua sắm TSCĐ trong năm	250.591.000	-	250.591.000
Số dư cuối năm	3.568.544.067	1.059.090.000	4.627.634.067
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.928.402.267	-	1.928.402.267
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.970.860.763	432.461.764	2.403.322.527
Số tăng trong năm	287.098.860	105.909.000	393.007.860
- Khấu hao TSCĐ trong năm	287.098.860	105.909.000	393.007.860
Số dư cuối năm	2.264.334.737	538.370.764	2.796.330.387
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	1.347.092.304	626.628.236	1.973.720.540
Tại ngày cuối năm	1.310.584.444	626.628.236	1.831.303.680

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.260.867.750	1.260.867.750
Số tăng trong năm	709.000.000	709.000.000
- Mua sắm TSCĐ trong năm	709.000.000	709.000.000
Số dư cuối năm	1.969.867.750	1.969.867.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.203.472.492	1.203.472.492
Khấu hao trong năm	118.411.851	118.411.851
Số dư cuối năm	1.321.884.343	1.321.884.343
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	57.395.258	57.395.258
Tại ngày cuối năm	647.983.407	647.983.407

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền nộp ban đầu (gốc và lãi)	5.746.280.873	5.756.128.190
Tiền lãi phân bổ trong năm	334.565.226	304.241.698
Thu tiền lãi trong năm	(53.242.032)	(314.089.015)
Số dư cuối năm	6.027.604.067	5.746.280.873

9. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.687.463.302	46.701.361.815
Tổng	3.687.463.302	46.701.361.815

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019	01/01/2019
Thuế giá trị gia tăng	97	97
Thuế thu nhập cá nhân	38.909.505	114.412.839
Cộng	38.909.602	114.412.936

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền thuê nhà	-	40.500.000
Phí lưu ký, phí giao dịch, cước thuê kênh, thuê máy chủ ảo	81.731.577	94.135.711
Phí kiểm toán, cước dịch vụ Cloud Server	79.670.488	-
Chi phí phải trả khác	5.745.680	8.489.468
Cộng	167.147.745	143.125.179

12. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019	01/01/2019
Lỗ lũy kế/Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(2.496.423.064)	278.758.677
Cộng	(2.496.423.064)	278.758.677

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị tính: VND)

1. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên quản lý	1.409.037.864	1.408.780.002
Chi phí vật liệu quản lý	155.804.987	46.578.441
Thuế, phí, lệ phí	14.800.000	3.000.000
Khấu hao Tài sản cố định	105.909.000	105.909.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.321.797	434.353.128
Chi phí khác	582.736.730	312.491.778
Cộng	2.715.610.378	2.311.112.349

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

2.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Lỗ/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.775.181.741)	1.239.569.986
Điều chỉnh tăng	154.567.522	370.372.495
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	154.200.000	72.000.000
- Phạt hành chính	367.522	-
- Lỗi giao dịch phát sinh năm 2009	-	298.372.495
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	(2.620.614.219)	1.609.942.481
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.609.942.481)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(2.620.614.219)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế	(2.775.181.741)	1.239.569.986
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.775.181.741)	1.239.569.986
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.750.000	3.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(740)	331

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Ông Đặng Thái Nguyên là Tổng giám đốc, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt, đồng thời là Ủy viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á.

Trong kỳ Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng TMCP Bắc Á như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn 12 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM))		
- Phát sinh tăng	669.807.524.031	1.196.773.014.707
- Phát sinh giảm	715.989.376.451	1.155.171.041.911
Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty	3.187.325.507.201	13.478.455.952.098
Vay ngắn hạn	-	7.000.000.000
Chi phí	235.680.000	268.165.348
- Chi phí lãi vay	-	183.320.548
- Chi phí thuê văn phòng	235.680.000	84.844.800
Doanh thu	1.785.683.795	2.714.997.473
- Doanh thu môi giới Trái phiếu	256.421.700	682.498.700
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	156.626.849	180.797.734
- Doanh thu hoạt động tư vấn	45.454.545	272.727.272
- Doanh thu phí chuyển tiền	25.300.000	32.120.000
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.301.880.701	1.546.853.767

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
Ngân hàng TMCP Bắc Á		
Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM))	28.523.075.004	74.704.927.424
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	300.191.600	406.131.507
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	108.818.202

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.112.290.909	1.008.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép nhân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1 và số V.2. Công ty nhận thức thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09- CTCK

4.2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng VND	Số dư đã lập dự phòng VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 80 ngày VND	81 - 80 ngày VND	> 180 ngày VND	> 210 ngày VND
Số đầu năm	30.247.725.980	-	30.247.725.980	-	-	-	-
Số cuối năm	27.021.897.102	-	27.021.897.102	-	-	-	-

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc điều khoản phát hành. Đối với các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua để bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

GH
10
YC
102
2106
JAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09- CTCK

4.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	4.197.635.116	150.000.000	-	-	4.347.635.116
Tài sản tài chính	-	-	21.850.000.000	-	-	21.850.000.000
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	21.850.000.000	-	-	21.850.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	-	-	-	-	-	-
Tài sản khác	-	1.021.657.806	159.706.419	8.584.363.705	520.719.236	10.286.447.166
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	81.780.000	-	81.780.000
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	-	824.261.986	-	-	-	824.261.986
Tài sản khác	-	197.395.820	159.706.419	6.544.015.854	-	6.901.118.093
Tài sản cố định	-	-	-	1.958.567.851	520.719.236	2.479.287.087
Tổng cộng	-	5.219.292.922	22.159.706.419	8.584.363.705	520.719.236	36.484.082.282
NỢ PHẢI TRẢ						
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	43.921.053	-	-	-	43.921.053
Chi phí phải trả	-	167.147.745	-	-	-	167.147.745
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	38.909.602	-	-	-	38.909.602
Phải trả, phải nộp khác	-	132.222.314	-	-	-	132.222.314
Tổng cộng	-	382.200.714	-	-	-	382.200.714
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	4.837.092.208	22.159.706.419	8.584.363.705	520.719.236	36.101.881.568

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận bởi vì Công ty không có các lĩnh vực kinh doanh mà lĩnh vực này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các lĩnh vực kinh doanh khác.

6. Thông tin khác

Theo biên bản họp đại hội Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/06/2018, Công ty đã thông qua việc giao cho Tổng giám đốc Đặng Thái Nguyên lập phương án tăng vốn điều lệ từ 37.500.000.000 đồng lên mức 300.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phương án tăng vốn điều lệ chưa được thực hiện thực tế.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY- Chi nhánh Miền Trung.

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2020